

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TRỤ
TỈNH LONG AN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2025/HNGĐ-ST

Ngày: 14-01-2025.

“V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi
con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TRỤ, TỈNH LONG AN

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Thoa.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Nguyễn Thị Phúc.
- Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Huỳnh Xuân Quỳn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ tỉnh Long An.

Ngày 14 tháng 01 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân thụ lý số 193/2024/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 12 năm 2024 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 61/2024/QĐST-HNGĐ ngày 31/12/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị M, sinh năm: 1992; Địa chỉ: Ấp V, xã K, huyện T, tỉnh Cà Mau. Có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần Thanh B, sinh năm: 1997; Địa chỉ: Số H, Khu phố B, thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày: Do quen biết, bà và ông Trần Thanh B xác lập quan hệ hôn nhân ngày 31/8/2022, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An. Sau khi cưới, vợ chồng sống chung với gia đình bên chồng. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau đó khoảng năm 2023 có phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cụ thể là kinh tế gia

đình, ông B đi làm không đưa tiền của bà, không chăm lo cho con. Tháng 11/2024 bà dọn ra nhà trọ để sinh sống riêng. Bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Trần Thanh B.

Nuôi con chung: Bà và ông B có con chung tên Trần Nguyễn Gia A, sinh năm 02/11/2022, hiện nay đang sống chung với ông B. Sau khi ly hôn bà yêu cầu được trực tiếp nuôi con, không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con.

Chia tài sản chung: Không có.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Bị đơn ông Trần Thanh B trình bày: Ông thống nhất với lời trình bày của bà M về quá trình vợ chồng sống chung, con chung, tài sản chung.

Vợ chồng vẫn còn tình cảm nên ông không đồng ý ly hôn. Nguyên nhân vợ chồng có mâu thuẫn là do bà M đua đòi hơn thua với mọi người nên phát sinh mâu thuẫn về kinh tế.

Nuôi con chung: Ông và bà M có con chung tên Trần Nguyễn Gia A, sinh năm 02/11/2022, hiện nay đang sống chung với ông. Trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà M thì ông yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Do hiện nay con chung đang sống chung với ông, khi ông đi làm có cha mẹ phụ chăm sóc con.

Chia tài sản chung: Không có.

Nghĩa vụ trả nợ: Không có.

Tại phiên tòa: Các đương sự trình bày đã cung cấp đủ các chứng cứ, không cung cấp chứng cứ gì thêm. Nguyên đơn vẫn giữ ý kiến và yêu cầu của mình. Bị đơn đồng ý ly hôn theo yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị M có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ giải quyết ly hôn với ông Trần Thanh B; hiện ông B đang sinh sống tại huyện T, tỉnh Long An nên đây là vụ án Hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Trụ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn yêu cầu được ly hôn với bị đơn, vì nhận thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng không thể giải quyết, tình cảm vợ chồng không còn, khả năng vợ chồng đoàn tụ không có, mục đích hôn nhân không đạt được. Xét, hôn nhân giữa bà M và ông B có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Long An cấp Giấy chứng nhận kết hôn ngày 31/8/2022, đây là hôn nhân hợp pháp, sẽ được giải quyết theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Bà M và ông B có xảy ra mâu thuẫn khoảng 1 năm nay, tháng 11/2024 bà M đã dọn ra sống riêng. Tại phiên tòa, ông B đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà M. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà M được ly hôn với ông B.

[3] Nuôi con chung: Bà M và ông B có con chung tên Trần Nguyễn Gia A, sinh năm 02/11/2022. Sau khi ly hôn, bà M và ông B đều có nguyện vọng nuôi con. Xét, tại thời điểm xét xử cháu A chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Trần Nguyễn Gia A cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Cấp dưỡng nuôi con: Bà M không yêu cầu ông B cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Chia tài sản: Bà M và ông B xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Nghĩa vụ trả nợ: Bà M và ông B xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[7] Án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị M về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” với ông Trần Thanh B.

1. Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị M được ly hôn với ông Trần Thanh B.

2 Nuôi con chung: Giao con chung tên Trần Nguyễn Gia A, sinh năm 02/11/2022 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Trần Thanh B không cấp dưỡng nuôi con.

Bên không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con. Cha, mẹ trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng cho con.

3. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân nhưng được khấu trừ 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0009852 ngày 09/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Trụ. Bà M đã nộp đủ tiền án phí.

4. Đương sự có mặt được quyền kháng cáo xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Tân Trụ.
- THA DS huyện Tân Trụ.
- Các đương sự.
- UBND thị trấn Tân Trụ**
- Lưu hồ sơ, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Thoa